

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Đặng Thu Thủy¹

Tóm tắt. Đặc trưng trong hoạt động của sinh viên là sự năng động, sáng tạo, tìm tòi khám phá và đặc biệt nhạy cảm với những yếu tố mới nảy sinh trong xã hội. Những yếu tố mới nảy sinh trong xã hội kể cả tích cực và tiêu cực đều có tác động ảnh hưởng mạnh mẽ đến định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Bài viết này đề xuất một số biện pháp nhằm định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Định hướng nghề nghiệp, sinh viên, hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường thông tin đa chiều và xu thế hội nhập quốc tế, sinh viên Việt Nam hiện nay là lớp người chịu nhiều ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực từ những biến đổi của đất nước và thế giới. Tuổi trẻ, thanh niên chính là tương lai của đất nước. Thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng đang ở độ tuổi phát triển và hoàn thiện mạnh mẽ về nhân cách và lối sống và định hướng nghề nghiệp. Nét nổi bật trong đời sống tâm lý của thanh niên sinh viên là những ước mơ, hoài bão và những dự định trong tương lai về công việc và những thành công trong cuộc sống.

Học tập và tu dưỡng đạo đức chính là nhiệm vụ hàng đầu đòi hỏi mỗi sinh viên phải có ý thức, trách nhiệm cao. Nhưng có kiến thức tốt thôi thì chưa đủ, sinh viên còn cần có kỹ năng thực hành, biết áp dụng tri thức vào thực tế một cách hiệu quả. Hầu hết sinh viên các trường đại học đều đáp ứng tốt và có kết quả học tập đạt yêu cầu và chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của một cử nhân. Tuy nhiên giáo dục đại học Việt Nam vẫn mang nặng tính hàn lâm, những sinh viên được đào tạo khá, giỏi hoặc xuất sắc về kiến thức nhưng vẫn thiếu vắng những kỹ năng, kiến thức thực tế và mông lung khi ra trường và tiếp nhận việc làm. Đó là do sinh viên chưa được trang bị và định hướng nghề nghiệp, nhiều sinh viên rất hoang mang lo lắng khi nghĩ về dự định nghề nghiệp trong tương lai. Thậm chí một số sinh viên học theo phong trào, theo định hướng của người lớn. Mong muốn của phần lớn sinh viên là vừa tốt nghiệp xong sẽ xin được việc làm ngay phù hợp với nguyện vọng, sở thích hoặc chuyên ngành được đào tạo, có mức lương hấp dẫn. Một số ít sinh viên với điều kiện kinh tế gia đình ổn định thì mong muốn tiếp tục học lên. Chính vì vậy, việc xác định cho sinh viên con đường đi đúng, lâu dài là một thách thức cho các cơ sở giáo dục, các thầy cô giáo trực tiếp đứng lớp và các cố vấn học tập cũng như các thầy cô thuộc các bộ phận hỗ trợ khác trong nhà trường. Định hướng nghề nghiệp, việc làm cho sinh viên là một việc làm rất quan trọng vì nó quyết định đến cả một đời người lao động tương lai phục vụ đất nước sau này, có tác dụng vô cùng to lớn trong việc phát triển và sử dụng nguồn nhân lực quý giá này. Vấn đề định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn, thái độ tích cực và hành động phù hợp về nghề nghiệp của mình trong việc lựa chọn về các khía cạnh định hướng nghề nghiệp cơ bản như là định hướng về mặt đạo đức, kinh tế và thăng tiến của nghề nghiệp tương lai của sinh viên.

Ngày nhận bài: 10/01/2022. Ngày nhận đăng: 18/02/2022.

¹Học viện quản lý giáo dục

e-mail: thuthuynaem@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

Mục tiêu của bài viết nhằm nghiên cứu cơ sở lý thuyết về nghề nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, lý thuyết áp dụng, lý thuyết hành động xã hội của sinh viên và thực tiễn định hướng nghề nghiệp, lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên từ đó xác định các yếu tố tác động đến định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm xác định các phương hướng điều chỉnh và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của sinh viên ngành Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục.

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Định hướng

Tác giả Thái Duy Tiên cho rằng định hướng là thái độ, là sự lựa chọn các giá trị vật chất và tinh thần, là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích của con người đối với một giá trị nào đó.

Định hướng (theo cách hiểu thông thường) nghĩa là sự lựa chọn, là xác định cho mình một hướng đi, một cách làm hay rộng hơn là hành động, lối cư xử sao cho phù hợp với bản thân và với tồn tại xung quanh.

Theo từ điển Tâm lý học của GS. Vũ Dũng (Viện khoa học xã hội Việt Nam 2008), định hướng là khuynh hướng của một hoạt động cụ thể, nó thể hiện sự am hiểu, thông thạo vấn đề và gắn liền với những kỹ năng nắm bắt, làm chủ trong một hoàn cảnh hay bối cảnh nào đó [10].

Định hướng cũng là một khái niệm trong giáo dục, liên quan trực tiếp với mỗi chúng ta, nó được thiết kế cho tập thể cá nhân ở các cấp bậc học, để có thể chuẩn bị hành trang khi bước vào đời.

Định hướng trong đề tài này được hiểu là hành động để xác định, đưa ra một hướng đi cụ thể cho hoạt động nào đó trên cơ sở cân nhắc kỹ đặc điểm của từng đối tượng. Mục đích cuối cùng của định hướng là có được một hướng đi phù hợp với mọi điều kiện, hoàn cảnh khách quan và chủ quan của chủ thể [4].

2.1.2. Nghề nghiệp

Thuật ngữ “Nghề nghiệp” được sử dụng phổ biến và định nghĩa dưới nhiều góc độ khác nhau trong nhiều lĩnh vực khoa học: Triết học, Kinh tế học, Giáo dục học, Xã hội học, Tâm lý học,... Nhìn chung, có những quan niệm cơ bản sau về nghề nghiệp:

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, “nghề nghiệp” là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử. Nghề nghiệp có quá trình ra đời, phát triển và suy vong theo tiến trình lịch sử. Điểm xuất phát và cơ sở để xuất hiện nghề nghiệp là lao động. Lao động là loại hoạt động sáng tạo ra con người và là cơ sở cho sự phát triển xã hội loài người. Lao động chính là tiền đề cơ bản làm xuất hiện nghề nghiệp [23].

Theo quan điểm của Kinh tế học, “nghề nghiệp” là tri thức và kỹ năng lao động mà người lao động có được trong quá trình huấn luyện chuyên môn hoặc qua thực tiễn, cho phép người đó có thể thực hiện được một loại hoạt động nhất định trong hệ thống phân công lao động xã hội [23].

Theo quan điểm Giáo dục học, “nghề nghiệp” là công việc chuyên môn được định hình một cách hệ thống, là dạng đòi hỏi một trình độ học vấn nào đó để thực hiện hoạt động cơ bản, giúp con người tồn tại và phát triển. Từ điển Larousse của Pháp định nghĩa: “Nghề là hoạt động thường ngày được thực hiện bởi con người nhằm tự tạo nguồn thu nhập cần thiết để tồn tại” [8].

Theo quan điểm Xã hội học, nhà xã hội học Đức Max Weber từng đề cập hoạt động nghề nghiệp trong quyển sách “Nền đạo đức Tin lành và tinh thần của chủ nghĩa Tư bản” (1920). Ông xem xét “nghề nghiệp” không chỉ có nghĩa là nghề nghiệp mà còn mang ý nghĩa thiên chức của con người. Vì thế khái niệm nghề nghiệp luôn đi đôi với khái niệm thiên chức, bổn phận của mỗi người trong cuộc sống [24].

Theo quan điểm Tâm lý học, “nghề nghiệp” được nhìn nhận theo nhiều quan điểm của rất nhiều nhà Tâm lý học. Trong đó, quan niệm được đồng tình nhiều nhất là định nghĩa của tác giả E.A.Klimov: “Nghề là một lĩnh vực sử dụng sức lao động vật chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động mà có), nó tạo khả năng cho con người sử dụng lao động của mình để thu lấy những phương tiện cần thiết cho việc tồn tại và phát triển” [22].

Các tài liệu nghiên cứu cho thấy, dường như không có sự phân biệt rạch ròi giữa khái niệm “nghề” và “nghề nghiệp”. Vì vậy, nhiều tác giả cho rằng, khái niệm “nghề” và “nghề nghiệp” tuy có những khía cạnh khác nhau, song cũng không nên tách bạch nội hàm hai khái niệm đó, bởi trong chúng có sự “chứa đựng” lẫn nhau, trong “nghề” có ẩn chứa “nghiệp”, và đã có “nghiệp” nhất định phải có “nghề”, cho nên người ta thường dùng thuật ngữ “nghề nghiệp”, bởi sự song hành giữa chúng. Ngoài những quan điểm trên, còn có quan niệm đồng hoá giữa “nghề” và “chuyên môn” theo các tác giả Minh Tân, Thanh Nghi, Xuân Lãm thì “Nghề là công việc một người thường xuyên làm để sinh nhai”. Theo đó, chuyên môn có nghĩa là “Một lĩnh vực lao động sản xuất hẹp, trong đó con người bằng sức mạnh thể chất và sức mạnh tinh thần của mình làm ra những giá trị vật chất hoặc giá trị tinh thần như là phương tiện cần cho sự tồn tại và phát triển của xã hội” [20].

GS. Phạm Tất Dong cũng đưa ra định nghĩa: “Nghề là nhóm những chuyên môn gần nhau. Một nghề bao gồm nhiều chuyên môn”. Tác giả cũng cho rằng sự gắn bó lâu dài với công việc chuyên môn, trình độ, kỹ năng, kỹ xảo đối với việc làm nhờ quá trình đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn là những dấu hiệu quan trọng nhất khi đề cập đến nghề [8].

Trong quá trình phát triển của lịch sử nhân loại, nghề nghiệp cũng phát triển theo. Khái niệm “việc làm” và “nghề nghiệp” đôi khi vẫn chưa được nhìn nhận đúng đắn, chúng ta cần phân biệt giữa hai khái niệm này.

Theo Điều 13, Bộ luật Lao động Việt Nam năm 2012: “Mọi hoạt động tạo ra thu nhập, không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm”.

Trên thực tế việc làm nêu trên được thể hiện dưới 3 hình thức:

- + Làm công việc để nhận tiền lương, tiền công hoặc hiện vật cho công việc đó.
- + Làm công việc để thu lợi cho bản thân mà bản thân lại có quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu (một phần hay toàn bộ) tư liệu sản xuất để tiến hành công việc đó.
- + Làm các công việc cho hộ gia đình mình nhưng không được trả thù lao dưới hình thức tiền lương, tiền công cho công việc đó. Bao gồm sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế phi nông nghiệp do chủ hộ hoặc một thành viên khác trong gia đình có quyền sử dụng, sở hữu hoặc quản lý [3].

Theo quan điểm của Mac: “Việc làm là phạm trù để chỉ trạng thái phù hợp giữa sức lao động và những điều kiện cần thiết (vốn, tư liệu sản xuất, công nghệ,...) để sử dụng sức lao động đó”. Sức lao động do người lao động sở hữu. Những điều kiện cần thiết như vốn, tư liệu sản xuất, công nghệ,... có thể do người lao động có quyền sở hữu, sử dụng hay quản lý. Theo ông thì bất cứ tình huống nào xảy ra gây nên trạng thái mất cân bằng giữa sức lao động và điều kiện cần thiết để sử dụng sức lao động đó đều có thể dẫn tới sự thiếu việc làm hay mất việc làm [14].

Có thể coi “nghề nghiệp” là “việc làm” nhưng không phải việc làm nào cũng là nghề nghiệp. Những việc làm nhất thời, không ổn định do con người bỏ sức lao động và được trả công thì chưa phải là nghề nghiệp. “Nghề nghiệp” và “việc làm” có điểm chung: Con người phải bỏ sức lao động để tạo ra sản phẩm, để tồn tại và phát triển. Tuy vậy, chúng khác nhau ở chỗ: “nghề nghiệp” là sự gắn bó lâu dài với công việc chuyên môn, có trình độ, kỹ năng và kỹ xảo nhờ vào quá trình đào tạo. Còn “việc làm” chỉ gắn một phần, một số kỹ năng lao động nào đó thuộc một hay vài nghề miễn là qua hoạt động cụ thể, người lao động có thể hoàn thành nhiệm vụ và kiếm được tiền sinh sống. Khái niệm “nghề” khác với khái niệm “việc làm” và nó chỉ rõ sự chuyên nghiệp dù chỉ là tương đối đòi hỏi con người phải đầu tư, gắn bó và rèn luyện [11,23].

Nhìn chung, nghề nghiệp có một số nội dung cơ bản sau:

Một là, nói tới nghề nghiệp trước hết phải hiểu đó là một nghề trong xã hội, là công việc chuyên môn trong một lĩnh vực hoạt động nhất định, nó đòi hỏi người làm việc (làm nghề) phải có kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo để lao động có hiệu quả.

Hai là, hoạt động nghề nghiệp có mục đích rõ ràng, nó không những mang lại lợi ích cho xã hội mà còn giúp con người thỏa mãn những nhu cầu cần thiết cho việc tồn tại và phát triển của bản thân. Đó cũng chính là cái “nghiệp” mà mỗi người sẽ luôn gắn bó trong cả cuộc đời họ. Đây cũng là điều chứng tỏ tầm quan trọng lớn lao của “Nghề nghiệp” đối với con người và cộng đồng xã hội trong mọi thời đại.

Ba là, nghề nghiệp là một phạm trù lịch sử, nó ra đời và phát triển gắn liền với sự phát triển của xã hội về mọi mặt. “Nghề nghiệp” trong xã hội không phải là một cái gì ổn định, cứng nhắc. Các nghề trong xã hội luôn ở trạng thái biến động do sự phát triển của khoa học và công nghệ. Xã hội càng phát triển thì sự phân hoá ngành nghề càng diễn ra mạnh mẽ, đa dạng và phức tạp [23].

2.1.3. Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

Định hướng nghề nghiệp là một phạm trù quan trọng được nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu nhưng phải tận đến năm 1908 thì kỹ sư mang tên Frank Parsons mới phát minh ra thuật ngữ chính thức “nghề nghiệp”. Thuật ngữ này ban đầu chỉ nói đến sự phát triển kỹ năng, kiến thức của cá nhân. Trong một công việc nhất định sau đó được bổ sung và sử dụng hàng ngày cho đến khi định nghĩa của nó được mở rộng như hiện nay.

Khởi nghiệp của cá nhân bắt đầu từ sự định hướng và định hướng ban đầu cho nghề nghiệp và sự nghiệp của mỗi sinh viên thường là định hướng về nghề nghiệp. Mỗi người đều có sự khác biệt về sở thích và năng lực, vì vậy khám phá và sử dụng đúng những năng lực cá nhân sẽ giúp họ thành công hơn trong cuộc sống. Định hướng nghề nghiệp dựa trên đặc điểm cá nhân ngay từ bậc học phổ thông sẽ giúp học sinh lựa chọn được những ngành học ở bậc Đại học mà mình yêu thích, phù hợp với khả năng bản thân và điều kiện gia đình. Định hướng nghề nghiệp phù hợp cũng là con đường đi tới tương lai tươi sáng, giúp sinh viên hăng say trong học tập và có nhiều cơ hội việc làm hơn sau khi tốt nghiệp đại học. Bởi có một công việc phù hợp đúng chuyên môn không những giúp bạn thành công trong nghề nghiệp mà còn đảm bảo được chất lượng cuộc sống bằng đúng nghề nghiệp mà bản thân theo đuổi. Việc làm không chỉ là sự sống còn của mỗi cá nhân, mà nó còn thể hiện tầm chiến lược của mỗi một quốc gia, việc làm liên quan đến kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và các vấn đề về nghèo đói... Trong chiến lược của mỗi quốc gia việc làm là một trong những yếu tố hàng đầu, trong các hội nghị toàn cầu việc làm cũng gây được sự chú ý của các quốc gia... Có việc làm không chỉ là nhu cầu của con người mà còn là nguồn gốc tạo ra của cải vật chất trong xã hội. Tuy nhiên chất lượng việc làm cũng là một trong những yếu tố liên quan đến định hướng nghề nghiệp ban đầu của mỗi cá nhân.... Trong xu thế toàn cầu hóa vấn đề việc làm có sự liên quan nhất định đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội từ đó sẽ tạo điều kiện hòa nhập với thế giới dễ dàng hơn, việc làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của các thành viên trong xã hội, vấn đề việc làm có thể làm tăng hoặc hạn chế các yếu tố ngoại lai trong quá trình hội nhập... Cũng như vậy, việc làm cho sinh viên khi ra trường có tầm ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển xã hội khi các tri thức trẻ có trình độ cao, đầy nhiệt huyết tham gia vào các hoạt động của xã hội, tránh lãng phí trong đào tạo. Như vậy, việc làm có ý nghĩa và vai trò quan trọng đối với sự phồn thịnh của mỗi quốc gia. Gần đây khi bàn về vấn đề việc làm các nhà quản lý đã nêu ra một số vấn đề thực tế khác có liên quan đến người lao động, đó là định hướng nghề nghiệp cũng như tính bền vững và hiệu quả của định hướng nghề nghiệp. Vậy định hướng nghề nghiệp liên quan như thế nào đến tính bền vững, hiệu quả và chất lượng của việc làm, và định hướng nghề nghiệp sẽ giúp người lao động phát huy năng lực cá nhân và tiếp cận thị trường lao động như thế nào? Từ sự quan tâm đó chúng tôi tiếp cận tới đối tượng là những sinh viên - một lực lượng lao động tri thức trẻ, với mục đích tìm hiểu cách thức họ đã định hướng nghề nghiệp như thế nào? Thực tế hàng năm số lượng sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học trong cả nước tìm được việc làm chiếm một tỷ lệ lớn, nhưng tình trạng sinh viên ra trường không làm đúng chuyên môn được đào tạo cũng rất phổ biến. Lý do dẫn đến thực tế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng một trong những nguyên nhân mà chúng tôi muốn bàn đến đó là định hướng nghề nghiệp của mỗi cá nhân chưa dựa trên đặc điểm về đam mê và năng lực.

Bàn về định hướng nghề nghiệp, có nhiều quan niệm và cách diễn đạt khác nhau. Song, tựu chung lại, các ý kiến đều thống nhất cách hiểu vấn đề này với những dấu hiệu cơ bản như sau: Định hướng nghề nghiệp là sự phản ánh chủ quan có lựa chọn các giá trị nghề nghiệp trong ý thức của sinh viên, là quá trình xác định các giá trị của nghề nghiệp đối với cá nhân và xã hội. Trên cơ sở đó hình thành lối sống, phong cách giao tiếp và hành vi của họ trong quá trình học tập, rèn luyện để trở thành người giáo viên trong tương lai. Thực chất, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên chính là quá trình tác động vào sinh viên để thay đổi nhận thức,

đánh giá về các giá trị của nghề mà mình đang theo đuổi, từ nhận thức này họ sẽ có thái độ và hành vi tương ứng trong quá trình học tập, rèn luyện nghề nghiệp. Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên thể hiện trên 3 mặt cơ bản: Thay đổi nhận thức của sinh viên về các giá trị nghề nghiệp; thái độ của sinh viên đối với nghề nghiệp xưa mình; và hành động học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh các giá trị nghề nghiệp. Nếu sinh viên có định hướng nghề nghiệp đúng đắn sẽ giúp họ có nhận thức, thái độ đúng đắn; tâm huyết, trách nhiệm và tích cực trong học tập, rèn luyện nghề nghiệp, là động lực chính nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp trong các trường đại học và học viện hiện nay.

DHNN là giáo dục sự lựa chọn nghề một cách có chủ đích nhằm giúp cho người được định hướng hiểu về thế giới nghề nghiệp và chọn được ngành nghề phù hợp trong tương lai, tìm được hạnh phúc trong lao động nghề nghiệp, lao động đạt hiệu suất cao và cống hiến được nhiều nhất cho xã hội.

Định hướng nghề nghiệp dùng để chỉ việc cung cấp những kiến thức và thông tin quan trọng liên quan đến việc xác định công việc phù hợp. Việc định hướng này chủ yếu dựa vào hiểu biết, kinh nghiệm. Từ đó tư vấn hay bày tỏ những quan điểm cho sinh viên về việc lựa chọn nghề nghiệp tuân theo đam mê, khả năng của bản thân và nhu cầu hiện tại của xã hội.

Có thể hiểu định hướng nghề nghiệp được hiểu như là quá trình của cá nhân, gia đình và nhà trường và xã hội hướng cho sinh viên xác định, lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai một cách phù hợp nhất. Định hướng nghề nghiệp bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bên ngoài và bên trong.

Từ các khái niệm trên có thể định nghĩa khái niệm: Định hướng nghề nghiệp là định hướng của con người đến những giá trị nhất định trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của họ. Định hướng nghề nghiệp đó là sự phản ánh chủ quan có sự lựa chọn các giá trị nghề nghiệp trong ý thức và tâm lý của con người, là quá trình xác định các giá trị của cá nhân đối với nghề. Trên cơ sở đó hình thành nhận thức, thái độ, tình cảm nghề nghiệp của mình và nâng cao dân tay nghề cho phù hợp với điều kiện làm việc của mình.

Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên là định hướng cho sinh viên hướng đến những giá trị nhất định trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp trong tương lai nghề nghiệp của sinh viên. Định hướng nghề nghiệp đó là sự phản ánh khách quan và chủ quan sự lựa chọn các giá trị nghề nghiệp trong ý thức và tâm lý cho sinh viên, là quá trình xác định các giá trị của sinh viên đối với nghề. Trên cơ sở đó hình thành nhận thức, thái độ, tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên trong tương lai.

DHNN không chỉ được thực hiện trong nhà trường bởi các thầy, cô giáo mà hướng nghiệp được tiến hành tại gia đình và cộng đồng với sự tác động, hỗ trợ của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là bậc phụ huynh [29].

“Hướng nghiệp trong giáo dục là hệ thống các biện pháp tiến hành trong và ngoài nhà trường để giúp HS có kiến thức về nghề nghiệp và có khả năng lựa chọn nghề nghiệp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, sở trường của cá nhân với nhu cầu sử dụng lao động của xã hội” (Điều 3- Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục) [6].

Định hướng nghề nghiệp chi phối mối quan hệ của sinh viên đó với hoạt động làm việc, các cấp quản lý, với các đồng nghiệp và với chính bản thân mình trong tương lai.

Từ cơ sở trên, đề tài tập trung nghiên cứu định hướng nghề nghiệp ở các nội dung sau: Những định hướng tạo động cơ thúc đẩy sinh viên học tập, tu dưỡng và rèn luyện nỗ lực; Thái độ, nhận thức của sinh viên về nghề nghiệp trong tương lai; Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong tương lai; Hành động của sinh viên để đạt tới các định hướng đó.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp cho sinh viên

Lựa chọn đúng nghề, hiểu và nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp là yếu tố căn bản để phát huy năng lực và sở trường trong học tập, lao động và công tác của mỗi người. Trong các trường đại học và học viện, nếu sinh viên hiểu được giá trị nghề nghiệp một cách đúng đắn sẽ tác động trực tiếp đến quá trình học tập của sinh viên ngay từ trên ghế nhà trường nhằm rèn luyện và tu dưỡng trên hành trình trở thành một công dân thực thụ và có ích cho đất nước.

- *Yếu tố khách quan:*

1. Yếu tố gia đình, người thân và bạn bè
2. Yếu tố nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy ở bậc đại học
3. Yếu tố sự phối hợp giữa các lực lượng sư phạm
4. Yếu tố môi trường văn hóa sư phạm giáo dục
5. Yếu tố tình hình kinh tế, chính trị và xã hội

- *Yếu tố chủ quan:*

1. Yếu tố vốn tri thức, hiểu biết về nghề nghiệp
2. Yếu tố khuynh hướng, lý tưởng và niềm tin nghề nghiệp
3. Yếu tố thái độ yêu nghề và gắn bó với nghề
4. Yếu tố ý chí nghị lực vượt qua khó khăn, thử thách trong học tập và rèn luyện

2.3. Xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên hiện nay

Vấn đề lựa chọn nghề nghiệp trong xã hội nhất là đối với sinh viên có tác dụng quan trọng đến phát huy nguồn nhân lực con người có vai trò quyết định tới sự phát triển kinh tế xã hội. Nhất là trong thời kỳ đổi mới, chuyển đổi cơ chế, sự lựa chọn nghề nghiệp đang trở thành một vấn đề rộng lớn với chiều rộng và chiều sâu hết sức phức tạp. Trong bối cảnh này, người ta có thể chỉ ra các xu hướng lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên như sau:

Lựa chọn nghề nghiệp do niềm đam mê yêu thích và do cảm tính. Theo niềm yêu thích và tâm huyết đối với một ngành nghề nào đó. Đối với những sinh viên đã yêu thích và tâm huyết với ngành nghề nào đó mặc dù họ còn mơ hồ, hiểu biết phiến diện về ngành nghề đó, họ luôn ước mơ điều đó thành hiện thực từ đó sẽ tiếp thêm cho họ lòng say mê, ý chí phấn đấu để đạt được. Theo cảm tính không tìm hiểu sâu về ngành nghề lựa chọn. Đây cũng là xu hướng phổ biến hiện nay vì ở độ tuổi của các em chưa có đủ tri thức và thực tiễn để cảm nhận hết những mong muốn và năng lực của bản thân

Lựa chọn nghề nghiệp dưới tác động của gia đình, xã hội, các lợi ích kinh tế. Dưới định hướng của gia đình, một người trưởng thành trong đó sinh viên tất nhiên chịu ảnh hưởng của nhiều môi trường sống: gia đình, nhà trường, bạn bè, nơi làm việc... Từng môi trường có tác động khác nhau vào từng "góc" tiếp thu của sinh viên. Song, môi trường gia đình giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong việc hình thành tính cách, nhân cách, lối sống của sinh viên. Vì vậy, định hướng của gia đình vô cùng quan trọng đối với sinh viên. Dưới tác động của xã hội, đây là sự lựa chọn do những lợi ích kinh tế chạy theo xu thế của thị trường. Chính những lựa chọn này có thể làm lu mờ đi những mong muốn của bản thân hoặc không căn cứ trên năng lực của bản thân sinh viên nên có thể gây ra tình trạng học cho bố mẹ, học theo xu thế dễ dẫn đến sự chán nản hoặc không có tinh thần phấn đấu quyết tâm để đạt các mục tiêu trong học tập và cuộc sống.

3. Kết luận

Tóm lại, định hướng nghề nghiệp và việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp là một vấn đề cần được quan tâm hàng đầu bởi vì nó hết sức quan trọng không những đối với sinh viên, gia đình, nhà trường mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với xã hội. Tuy nhiên, điều đó không thể giải quyết trong một sớm một chiều, mà đây là vấn đề nan giải đối với vai trò của một CVHT, cần được sự quan tâm, phối hợp trợ giúp của các Phòng ban như Phòng Đào tạo, Phòng GDCT&CTSV, các Khoa chuyên ngành, Đoàn thanh niên. Hi vọng việc định hướng nghề nghiệp, việc làm sẽ giúp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm kiếm được một việc làm phù hợp và ổn định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Anne Lancry-Hoestlandt (2005). Évolution historique d'un modèle français de l'orientation scolaire et professionnelle, Quelques éléments. Hội thảo Quốc tế: Đối thoại Pháp - Á về các vấn đề và
- [2] Đặng Danh Ánh (2010). Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Bộ Luật lao động Việt Nam (2012).
- [4] Đỗ Thị Ngọc Chi (2013). Định hướng nghề nghiệp của học sinh THPT trên địa bàn Thành phố Hải Phòng (Nghiên cứu trường hợp tại Trường THPT Mạc Đĩnh Chi, Thành phố Hải Phòng), Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Võ Thị Minh Chí (2009). Nhịp độ nhận thức và tự đánh giá khuynh hướng chọn nghề của học sinh, Một cơ sở khoa học để dạy học phân hóa có kết quả. Tạp chí Khoa học giáo dục, Số 50 (11).
- [6] Nghị định 75/2006/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Giáo dục (Điều 3), Hà Nội.
- [7] David G, Myers (2006). Psychology. Worth Publishers, New York.
- [8] Phạm Tất Dong (1989). Giúp bạn chọn nghề. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Hữu Dũng (2005). Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên. Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
- [10] Vũ Dũng (2008). Từ điển Tâm lý học. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Vũ Dũng (2012). Việc làm, thu nhập của thanh niên hiện nay nhìn từ góc độ Tâm lý học. Nxb Từ điển Bách Khoa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Tâm lý học.
- [12] Phạm Đình Duyên (2012). Hình thành định hướng nghề nghiệp sư phạm cho sinh viên các trường đại học – cao đẳng hiện nay. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn, Số 28, Tr 217-222.
- [13] Nguyễn Tiến Đạt (2007). Kinh nghiệm và thành tựu phát triển giáo dục và đào tạo trên thế giới. Tập 1,2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [14] Võ Tấn Đạt (2016). Định hướng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- [15] Frank Parsons (1909). Choosing a vocation, Gay edition, London.
- [16] Vũ Yến Hà, Nguyễn Ngọc Diệu Linh (2017). Việc làm của sinh viên Xã hội học Trường Đại học Công Đoàn sau khi tốt nghiệp. Tạp chí nghiên cứu Khoa học Công Đoàn, Số 9, Tr 16-21.
- [17] Huỳnh Xuân Hiếu (2018). Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên khóa 13DDS - Đại học Nguyễn Tất Thành. Khóa luận tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.
- [18] Nguyễn Văn Hộ (1998). Thiết lập và phát triển hệ thống hướng nghiệp, Luận án tiến sĩ, Hà Nội.
- [19] Đỗ Thị Hường (2014). Bước đầu tìm hiểu thực trạng vấn đề hướng nghiệp cho con cái của các bậc cha mẹ huyện Văn Giang - Tỉnh Hưng Yên, Báo cáo thực tập Tâm lý học tại chức, Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội.
- [20] Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê (2004). Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT với việc phát triển nguồn nhân lực. Tạp chí Phát triển giáo dục, Số 13, Tr 5-13.
- [21] Hội thảo Quốc tế: Đối thoại Pháp - Á về các vấn đề và hướng đi cho GDHN tại Việt Nam (2005). Khoa Sư phạm ĐHQG HN & Viện NCQG cộng hòa Pháp, Hà Nội.
- [22] Klimov, E.A, (1971). Nay đi học mai làm gì?. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

- [23] Trần Thị Dương Liễu (2014). Định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tâm lý học ở một số trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, TP.HCM.
- [24] Max Weber, Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang biên dịch (2008). Nền đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản. Nxb Tri thức, TP.HCM.
- [25] Đỗ Hạnh Nga (2009). Tư vấn hướng nghiệp và đặc điểm tư vấn nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng, đại học, Hội thảo khoa học Định hướng nghề nghiệp, việc làm cho sinh viên, Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [26] Bùi Việt Phú (2009). Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông theo tinh thần xã hội hoá, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [27] Nguyễn Thị Minh Phương (2009). Định hướng nghề nghiệp và khu vực làm việc sau tốt nghiệp của sinh viên ngoài công lập hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Trường Đại học Đông Đô), Luận văn Thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
- [28] Hà Thị Ngọc Thịnh (2013). Việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, thực trạng và giải pháp. Luận văn Thạc sĩ Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [29] Lê Thị Thu Trà (2016). Quản lý hoạt động Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh Trung học Phổ thông trên địa bàn Hà Nội. Luận văn Thạc sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [30] Lê Trần Thiên Ý, Nguyễn Hồ Anh Khoa, Mã Bình Phú (2013). Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định về quê làm việc của sinh viên Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, Số 25, Tr 30-36.

ABSTRACT

Career orientation for students in the current context

Students' activities are characterized by dynamism, creativity, discovery and are especially sensitive to new factors arising in society. New factors arising in society, both positive and negative, have a strong influence on the career orientation of students. This article has proposed some measures to orient students' careers in the current context.

Keywords: *Career orientation, students, present.*